

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 271/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Phương Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tô Ngọc Liêm
- Ông Nguyễn Thanh Liêm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Xuân Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 482/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 836/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 471/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L do quen biết trước, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2021 và đăng ký kết hôn tại xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 19/5/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi không có tiếng nói chung và vợ chồng đã sống

ly thân từ đó cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hạn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn L đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Đỗ Văn L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Đỗ Văn L.

- Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L không có con chung, nên không xem xét quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, nuôi con với ông Đỗ Văn L nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Văn L là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Đỗ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông L không đến tham gia phiên Tòa. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà Trần Thị H cho rằng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L biết về việc bà H xin ly hôn với ông L cũng như tạo điều kiện để ông L, bà H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến đối với việc bà H xin ly hôn với ông, điều này chứng tỏ ông L không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do bà Trần Thị H không yêu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 19/5/2021 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015656, ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà H1 đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Phương Quyền**